

CHƯƠNG I.

NĂNG LỰC CẠNH TRANH QUỐC GIA

CuuDuongThanCong.com

CuuDuongThanCong.com

Nguồn gốc của sự thịnh vượng

Thịnh vượng được “thừa kế”

Sự thịnh vượng đến từ nguồn tài nguyên thiên nhiên được thừa kế

Sự thịnh vượng có hạn
Vấn đề là chia bánh

Chính phủ đóng vai trò trung tâm trong nền kinh tế

Thu nhập từ tài nguyên gây ra tham nhũng và cho phép các chính sách tồi tồn tại

Thịnh vượng được “tạo ra”

- Sự thịnh vượng đến từ năng suất của hoạt động sản xuất hàng hóa và dịch vụ
- Sự thịnh vượng không giới hạn
- Vấn đề là làm cái bánh lớn lên
- Doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm trong nền kinh tế
- Vai trò của chính phủ là hỗ trợ và tạo điều kiện cải thiện năng suất và thúc đẩy sự phát triển của khu vực tư nhân

Chart

Map



How to use



Share graph

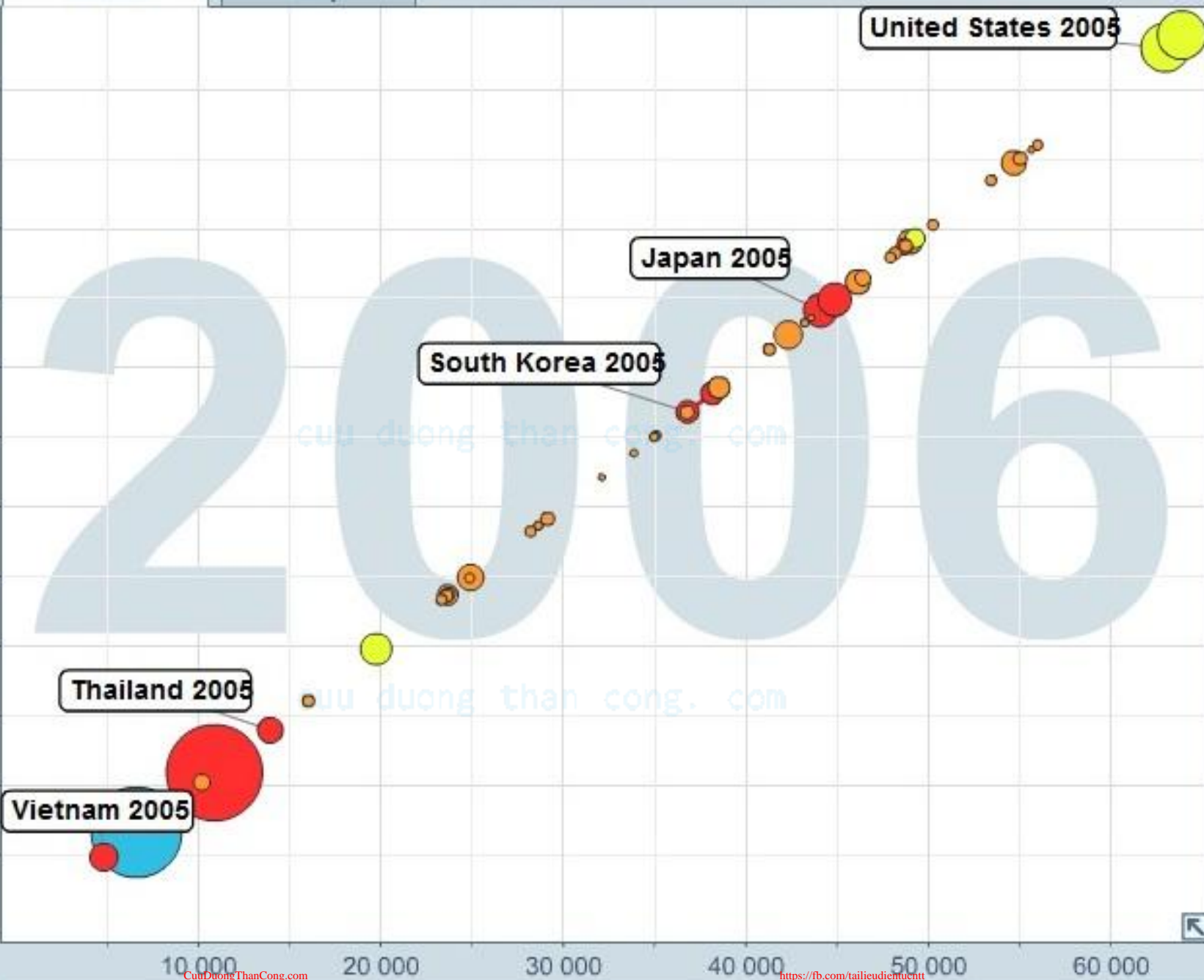


Normal view

GDP/employee (US\$, inflation-adjusted)

lin

International Labour Organization



Hai vấn đề tác động đến sự thịnh vượng của quốc gia

- Năng suất lao động:
 - ➔ Tăng năng suất lao động

cuu duong than cong. com

- Sử dụng lao động:
 - ➔ Giảm tỷ lệ thất nghiệp

cuu duong than cong. com

Năng suất lao động: Ba kịch bản có thể xảy ra khi phát triển kinh tế

- Kịch bản 1: chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tạo ra bẫy thu nhập trung bình

VD: làn sóng di cư ra thành phố “Giàu nhà quê không bằng ngôi lê thành phố”

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

- Kịch bản 2: tăng năng suất

- Kịch bản 3: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế + Tăng năng suất

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

➔ Những thành tựu từ trước đến nay của Việt Nam chủ yếu là nhờ kịch bản nào????.

Kịch bản 1: Tăng trưởng kinh tế

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

	Thời điểm 1			Thời điểm 2			Tăng trưởng	
	Lao động (người)	Năng suất (triệu đồng)	GDP (triệu đồng)	Lao động (người)	Năng suất (triệu đồng)	GDP (triệu đồng)	Năng suất	GDP
Khu vực A	80	10	800	60	8	480	-20%	-40%
Khu vực B	20	100	2.000	40	80	3.200	-20%	60%
Nền kt	100	28	2.800	100	36,8	3.680	31%	31%

Kịch bản 1: Tăng trưởng kinh tế

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (tiếp)

	Thời điểm 2			Thời điểm 3			Tăng trưởng	
	Lao động (người)	Năng suất (triệu đồng)	GDP (triệu đồng)	Lao động (người)	Năng suất (triệu đồng)	GDP (triệu đồng)	Năng suất	GDP
Khu vực A	60	8	480	55	7	385	-13%	-20%
Khu vực B	40	80	3.200	45	70	3.150	-13%	-2%
Nền kt	100	36,8	3.680	100	35,35	3.535	-4%	-4%

Kịch bản 2: Tăng năng suất

	Thời điểm 2			Thời điểm 3			Tăng trưởng	
	Lao động (người)	Năng suất (triệu đồng)	GDP (triệu đồng)	Lao động (người)	Năng suất (triệu đồng)	GDP (triệu đồng)	Năng suất	GDP
Khu vực A	60	8	480	60	8,5	510	6%	6%
Khu vực B	40	80	3200	40	90	3600	13%	13%
Nền kt	100	36,8	3.680	100	41,1	4.110	12%	12%

Hai vấn đề tác động đến sự thịnh vượng của quốc gia

- **Năng suất lao động:**

- **Tăng theo 3 trục chính**

- + **Trục 1: Tăng giá trị sản phẩm***

- Tăng chất lượng
- Tăng mẫu mã, bao gói, marketing, xúc tiến bán hàng

- + **Trục 2: Tăng năng suất sản phẩm**

- Máy móc trang thiết bị
- Đào tạo, tập huấn nhân viên

- + **Trục 3: Phát triển kinh doanh mới phù hợp nhất với năng lực**

- Phát triển lĩnh vực kinh doanh mới
- Sản phẩm mới, thị trường mới, hướng tới thị trường nước ngoài
- Sử dụng đầu vào hàm lượng chất xám cao để cung cấp thị trường sản phẩm có giá thành cao
- Liên doanh, liên kết

Hai vấn đề tác động đến sự thịnh vượng của quốc gia

- **Giảm tỷ lệ thất nghiệp:**

cuu duong than cong. com

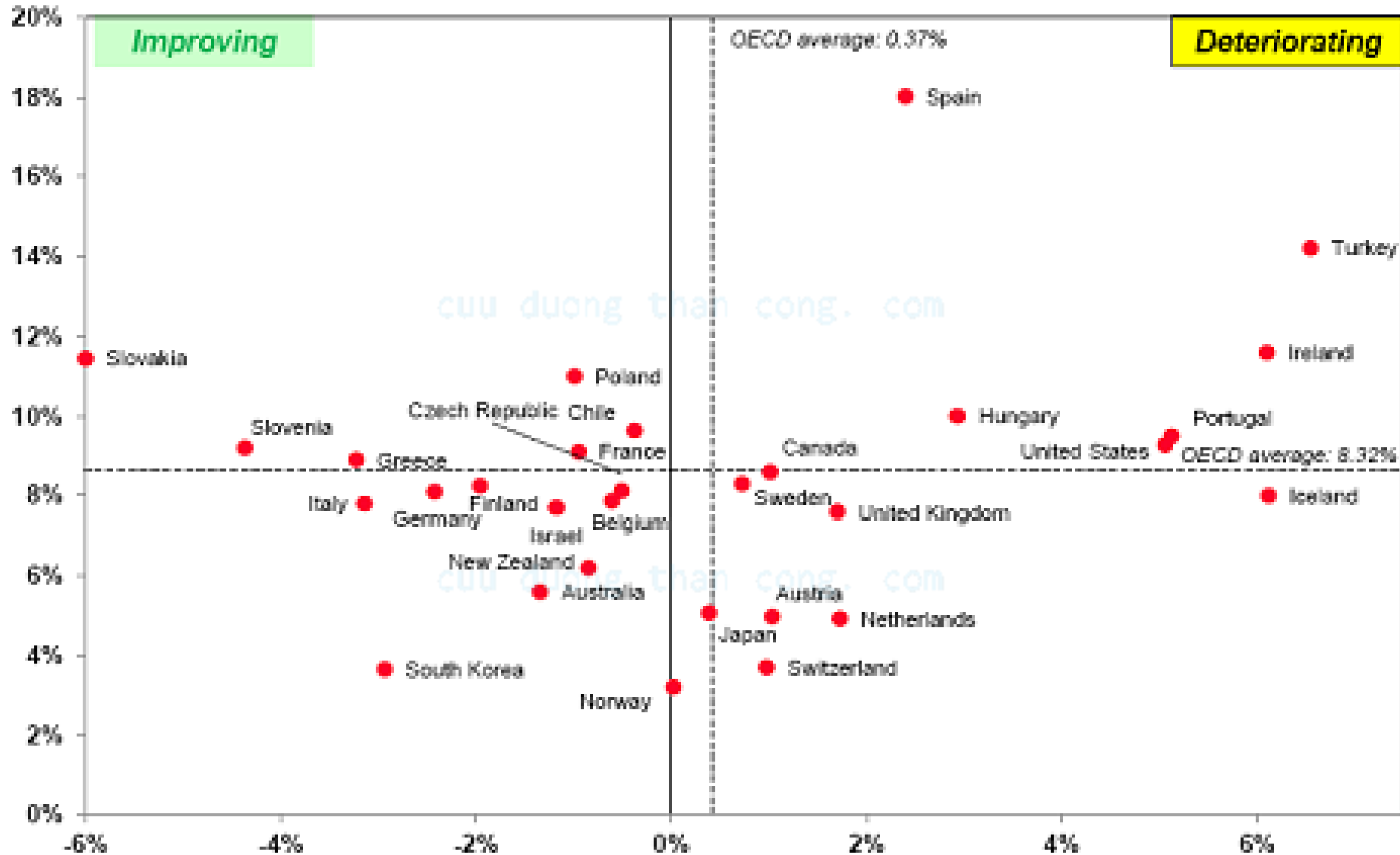
Tăng năng suất lao động → làm giảm tỷ lệ thất nghiệp

cuu duong than cong. com

Tỷ lệ thất nghiệp

OECD Countries

Unemployment
Rate, 2009



Change of Unemployment Rate in Percentage Points, 1999-2009

Năng lực cạnh tranh quốc gia

Sự giàu có của mỗi quốc gia được tạo ra bởi năng suất của doanh nghiệp. Năng suất doanh nghiệp càng lớn, quốc gia càng giàu có.

Các CHÍNH PHỦ cạnh tranh với nhau trong việc tạo ra môi trường có năng suất cao nhất cho doanh nghiệp*

Khu vực công và tư có vai trò khác nhau nhưng bổ sung cho nhau trong việc tạo ra một nền kinh tế có năng suất

Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh



Các yếu tố tự nhiên thuận lợi tạo điều kiện dễ dàng phát triển kinh tế
Năng lực cạnh tranh kinh tế vĩ mô tạo ra tiềm năng để đạt mức năng suất cao, nhưng chỉ riêng các yếu tố vĩ mô thì chưa đủ
Năng suất còn phụ thuộc vào năng lực cạnh tranh vi mô của nền kinh tế

Các yếu tố lợi thế tự nhiên

- Tài nguyên thiên nhiên: dầu mỏ, nông, lâm, hải sản, khoáng sản v.v...

VD: Các nước Trung Đông

cuuduongthancong.com

- Nền kinh tế bị phụ thuộc vào một số ít ngành nghề
- Trình độ phát triển của người dân không cao
- Bất bình đẳng xã hội

cuuduongthancong.com

- Vị trí địa lý
- Campuchia qua Việt Nam xuất khẩu hàng hóa đi thế giới
- 85% khí của Nga được chuyển tới Châu Âu qua Ukraina

Năng lực cạnh tranh vĩ mô

Hạ tầng xã hội và Thể chế chính trị

Phát triển con người

Giáo dục cơ bản

Hệ thống y tế

Thể chế chính trị

Tự do chính trị

Tiếng nói và trách nhiệm giải trình

Ổn định chính trị

Hiệu lực của chính phủ

Pháp quyền

An ninh xã hội

Sự độc lập của tư pháp

Hiệu quả của khung pháp lí

Chống tham nhũng

Chính sách kinh tế vĩ mô

Chính sách tài khóa

Thu, chi, thặng dư(thâm hụt) ngân sách

Nợ công(nợ chính phủ và nợ của doanh nghiệp nhà nước)

Chính sách tiền tệ

Cung tiền

Tín dụng

Lãi suất

Tỷ giá

Lạm phát

Chính sách cơ cấu kinh tế

Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh

Năng lực cạnh tranh kinh tế vi mô

Chất lượng môi trường kinh doanh quốc gia

Độ tinh thông về hoạt động và chiến lược công ty

Độ tinh thông về chiến lược và hoạt động của công ty

Năng lực cạnh tranh kinh tế vĩ mô

Hạ tầng xã hội và thể chế chính trị

Các chính sách kinh tế vĩ mô

Các yếu tố lợi thế tự nhiên

Những kỹ năng, năng lực quản lý bên trong doanh nghiệp nhằm giúp doanh nghiệp đạt được mức năng suất và trình độ đổi mới sáng tạo cao nhất có thể

Các nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh

Chất lượng môi trường kinh doanh quốc gia

Các điều kiện của môi trường kinh doanh bên ngoài giúp doanh nghiệp đạt được mức năng suất và trình độ đổi mới, sáng tạo cao hơn

Bao gồm 4 nhân tố: Đầu vào; Điều kiện cầu, bối cảnh cạnh tranh và sự phát triển cụm ngành

Năng lực cạnh tranh kinh tế vi mô

Chất lượng môi trường kinh doanh quốc gia

Độ tinh thông về hoạt động và chiến lược công ty

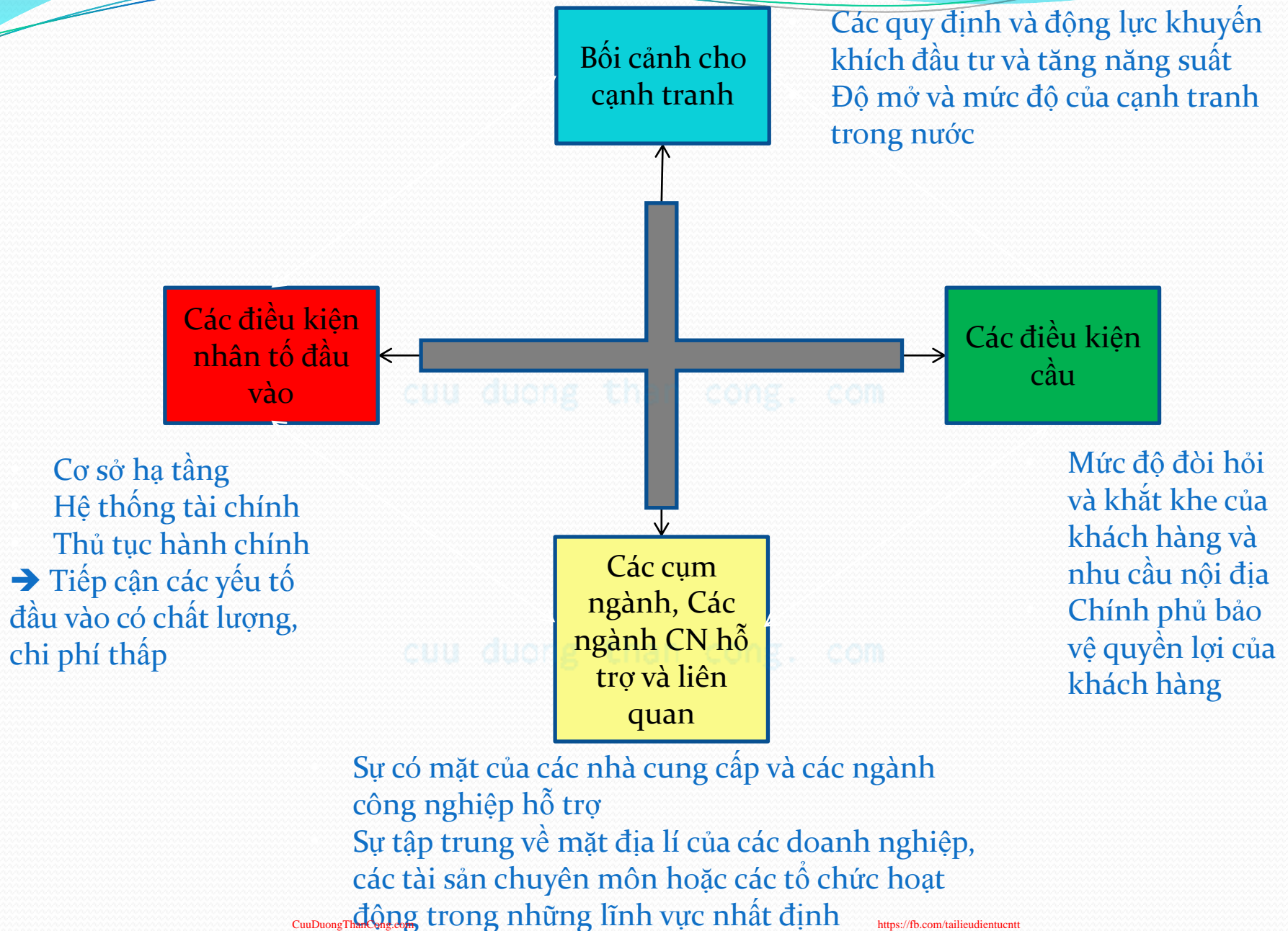
Năng lực cạnh tranh kinh tế vĩ mô

Hạ tầng xã hội và thể chế chính trị

Các chính sách kinh tế vĩ mô

Các yếu tố lợi thế tự nhiên

Chất lượng của môi trường kinh doanh quốc gia



2. Vai trò của chính phủ trong phát triển kinh tế

2.1. Xác định chiến lược kinh tế quốc gia –
Xác định các cụm ngành kinh tế chiến lược, hướng tới xuất khẩu

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

2.2. Hỗ trợ sự phát triển của các cụm ngành

2.1. Chiến lược kinh tế quốc gia

Giá trị mục tiêu quốc gia

Đâu là vị thế cạnh tranh đặc thù của quốc gia với vị trí địa lý, di sản văn hóa, các thế mạnh hiện tại và thế mạnh tiềm năng?

Giá trị đặc thù của quốc gia như là một điểm đến kinh doanh?

(Vai trò của quốc gia với láng giềng, khu vực và thế giới, quốc gia cung cấp hàng hóa, dịch vụ gì cho khu vực và thế giới?)

→ Quốc gia nên hướng tới những cụm ngành và hoạt động nào?

cuu duong than cong. com

Tạo dựng các thế mạnh đặc thù

Những yếu tố nào của môi trường kinh doanh là những thế mạnh độc đáo so với các nước bạn?

Những cụm ngành hiện tại là môi trường thể hiện thế mạnh gì của địa phương?

Bắt kịp và duy trì để ngang bằng với các nước láng giềng

điểm yếu



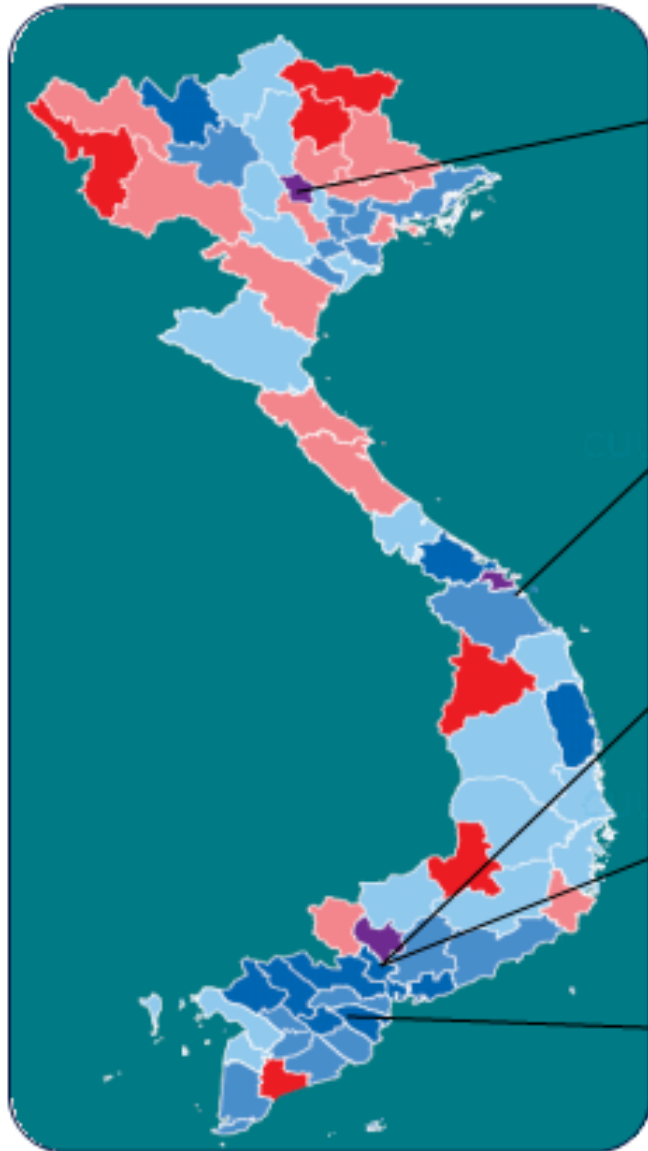
cuu duong than cong. com

Xác định cụm ngành ưu tiên là cần thiết cho phát triển kinh tế

Cơ sở để lựa chọn cụm ngành

1. Cụm ngành có một lượng đủ lớn các công ty nội địa hoặc chi nhánh công ty nước ngoài đã vượt qua phép thử của thị trường thế giới (đã và đang kinh doanh thành công)
2. Cụm ngành có một số lợi thế đặc thù hay thế mạnh đặc biệt trong bốn yếu tố của hình thoi (so với thị trường quốc tế)
 - Đáp ứng nhu cầu khách hàng,
 - Vị trí địa lý thuận lợi, v.v,
 - Tồn tại nhiều doanh nghiệp hỗ trợ, có liên quan,
 - Đầu vào sản xuất sẵn có và giá rẻ
3. Cụm ngành có sự hiện diện của công ty đa quốc gia hàng đầu thế giới đã có những đầu tư quan trọng, đồng thời có cam kết mở rộng hoạt động

Một số sáng kiến cụm ngành thí điểm



Cụm ngành điện tử và cơ khí ở Hà Nội và các tỉnh lân cận: *Năng lực các nhà cung cấp trong nước*

Cụm ngành du lịch ở khu vực Miền Trung: *Chiến lược phát triển và các dịch vụ có liên quan*

Cụm ngành dệt may ở khu vực thành phố Hồ Chí Minh và lân cận: *Kỹ năng lao động*

Cụm ngành logistics ở khu vực thành phố Hồ Chí Minh: *Cơ sở hạ tầng*

Cụm ngành chế biến nông sản ở đồng bằng sông Cửu Long: *Nâng cao giá trị gia tăng*

VD cụm công nghiệp thủy sản

- <http://113.191.252.56/iGIS.jsp>

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

2.2. Hỗ trợ của nhà nước vào phát triển cụm ngành.

Bài đọc: The competitive advantage of Nations

Phần: Role of Government

Vai trò hỗ trợ của nhà nước là gì ???

2.2. Hỗ trợ của nhà nước vào phát triển cụm ngành.

Nguyên tắc của chính phủ trong hỗ trợ phát triển kinh tế:

- Gián tiếp chứ không trực tiếp
- Tạo môi trường để doanh nghiệp có thể đạt được năng suất cao (không phải tạo năng suất cao cho doanh nghiệp)
- Tạo môi trường, khuyến khích cạnh tranh cho doanh nghiệp
- Tạo môi trường khuyến khích nghiên cứu, sáng tạo và đổi mới

2.2. Hỗ trợ của nhà nước: Chính sách hỗ trợ cụm ngành

7. Bảo tồn , sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên

1. Giáo dục và đào tạo lao động

2. Hạ tầng khoa học công nghệ
(các trung tâm, trường đại học, chuyển giao công nghệ, hợp tác công nghệ giữa các đối thủ kinh doanh)

6. Xúc tiến xuất khẩu

Cụm ngành

3. Xây dựng và kiểm soát thực hiện các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn môi trường

4. Khuyến khích cạnh tranh minh bạch, công bằng:
- Cho nhiều đối thủ tham gia thị trường
- Chống độc quyền chi phối

5. Thu hút đầu tư Từ

- khu vực tư nhân,
- đầu tư nước ngoài

Vào lĩnh vực:

- Cụm ngành ưu tiên
- Phát triển con người
- Sáng tạo

Bài tập nhóm

- Bài đọc 1: Lợi thế cạnh tranh của các quốc gia
 - ➔ Sử dụng mô hình kim cương (mô hình hình thoi) của Porter để phân tích cách thức ngành gạch gốm lát sàn của Ý vận hành
 - ➔ Các nhóm gửi bài power point vào 23/8, chọn 2 nhóm tốt để trình bày vào 24/8

Bài tập nhóm

Bài tập 2: Porter đã đưa ra các cụm ngành ưu tiên thí điểm, bạn hãy lựa chọn 1 cụm ngành và trả lời các câu hỏi sau:

- Cơ sở nào để M. Porter và các nhà nghiên cứu của VN đưa ra cụm ngành đó (sử dụng mô hình kim cương 4 nhân tố, có số liệu minh họa, đưa ra được các ngành bên trong cụm ngành đó, mức độ phát triển, lấy VD minh họa các cụm ngành của một quốc gia khác)
- Phân tích các hỗ trợ hiện nay của chính phủ cho cụm ngành đó: số liệu minh họa (xoay quanh 7 chính sách)
- Đề xuất giải pháp chính sách trong tương lai (xoay quanh 7 chính sách)